

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 203/2024/DS-PT

Ngày: 03-4-2024

V/v tranh chấp: “Đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 470/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đường Ngọc S, sinh năm 1947 (chết ngày 02/5/2021);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đường Ngọc S:

1. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1951 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (theo Giấy ủy quyền ngày 28/4/2022) (có mặt);

Địa chỉ: số E Quốc lộ E, ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Đường Thị Thanh T1, sinh năm 1972 (có mặt);
Địa chỉ: số E H, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.
3. Anh Đường Chế L, sinh năm 1974 (vắng mặt);
4. Anh Đường Thanh P, sinh năm 1979 (vắng mặt);
5. Chị Đường Thị Thanh L1, sinh năm 1983 (vắng mặt);
6. Chị Đường Thị Hoàng O, sinh năm 1985 (vắng mặt);
7. Anh Đường Thanh T2, sinh năm 1977 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
8. Chị Đường Thị Thanh T3, sinh năm 1981 (có mặt);
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
9. Chị Đường Thị Thanh T4, sinh năm 1983 (vắng mặt);
Địa chỉ: số A ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.
10. Chị Đường Thị Phương D, sinh năm 1985 (vắng mặt);
Địa chỉ: số F H, Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bị đơn: Ông Đường Văn H1, sinh năm 1958 (có mặt);
Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
 1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang;
Trụ sở: Ô1, Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng H2, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).
2. Anh Võ Văn N, sinh ngày 14/5/1979 (có mặt);
HKTT: thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh;
Đăng ký tạm trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
3. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1951 (có mặt);
4. Chị Đường Thị Thanh L1, sinh năm 1983 (vắng mặt);
5. Anh Đường Chế L, sinh năm 1974 (vắng mặt);
6. Anh Đường Thanh T2, sinh năm 1977 (có mặt);
7. Chị Dương Thị Hồng T5, sinh năm 1983 (vắng mặt);
8. Cháu Đường Dương Thành Đ, sinh ngày 24/12/2005;
9. Cháu Đường Dương Như Ý, sinh ngày 07/10/2012;
Người đại diện theo pháp luật của cháu Thành Đ và cháu Như Ý:
 - 9.1. Anh Đường Thanh T2, sinh năm 1977 (vắng mặt);

9.2. Dương Thị Hồng T5, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

10. Chị Đường Thị Thanh T3, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đường Văn H2, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Địa chỉ: tổ D, khu phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Đường Văn R, sinh năm 1965 (có mặt);

3. Ông Võ Trung T6, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Huỳnh Văn L2, sinh năm 1945 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đường Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Đường Ngọc S1 trình bày:

Vào năm 1997, ông có cho em trai là ông Đường Văn H1 cất ngôi nhà tạm diện tích khoảng 44,62m² trên phần đất của ông diện tích là 79,7m², thửa số 04, tờ bản đồ số 01, Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đường Ngọc S theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BR808333, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH23707 ngày 07/02/2014; đất tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Lý do ông cho ông H1 cất nhà ở tạm vì ông H1 đi bộ đội, lập gia đình trở về có hoàn cảnh khó khăn nên xin ông cất nhà trên đất để ở tạm. Hiện ông H1 đã xây cất nhà ở khang trang và có phần đất diện tích 3.000m², không có ở ngôi nhà tạm nữa nhưng ông H1 vẫn không chịu tháo dỡ nhà, trả lại đất cho ông.

Nay ông yêu cầu ông H1 tháo dỡ ngôi nhà tạm và trả lại cho ông phần đất lấn chiếm diện tích khoảng 44,62m²; đất tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S gồm vợ bà Đoàn Thị T và các con là chị Đường Thị Thanh T1, anh Đường Chế L, anh Đường Thanh P, chị Đường Thị Thanh L1, chị Đường Thị Hoàng O, anh Đường Thanh T2, chị Đường Thị Thanh T3, chị Đường Thị Thanh T4 và chị Đường Thị Phương D cùng trình bày:

Các bà, anh chị là vợ và con của ông S, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông S là yêu cầu ông H1 tháo dỡ ngôi nhà tạm và trả lại phần đất lấn chiếm diện tích khoảng 44,62m²; đất tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Đường Văn H1 là yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23707 ngày 07/02/2014 do Ủy ban nhân

dân huyện C cấp cho hộ ông Đường Ngọc S diện tích là 79,7m² và yêu cầu công nhận phần đất thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng của ông H1 thì bà và các con không đồng ý.

Bị đơn ông Đường Văn H1 trình bày:

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đường Ngọc S và vợ, các con của ông S.

Ông có yêu cầu phản tố là yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23707 ngày 07/02/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đường Ngọc S phần đất thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m² và yêu cầu công nhận phần đất thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng của ông. Lý do vì phần đất này do bà nội ông là cụ Lê Thị B (chết năm 1981) cho ông quản lý, canh tác và sử dụng. Bà nội cho đất ông nhưng không có làm giấy tờ, chỉ nói miệng, ông không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh phần đất tranh chấp là của ông, ông cũng không có đi đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1991, sau khi đi bộ đội, xuất ngũ trở về thì ông cất nhà tạm ở trên đất đang tranh chấp nhưng không ở thường xuyên, chủ yếu ông sống ở Bình Dương cùng vợ và các con. Ngôi nhà tạm hiện không còn. Trên đất tranh chấp là đất trống, chỉ có 01 cây mít tự mọc. Khi còn sống, ông S đã có cho ông phần đất diện tích hơn 3.000m² trong đất của ông bà, cha mẹ để lại, ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997 và hiện nay đã cất nhà ở, không còn ở trên phần đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang trình bày:

Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BCH23707, cấp ngày 07/2/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đường Ngọc S là đúng quy định pháp luật. Do bận công tác nên đại diện Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trong vụ án giữa ông S và ông H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn N và chị Đường Thị Thanh L1 thống nhất trình bày:

Anh chị là con gái và con rể của ông S. Ông H1 có yêu cầu phản tố là hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23707 ngày 07/02/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đường Ngọc S, phần đất thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m² và yêu cầu công nhận phần đất thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng của ông H1 thì anh chị không đồng ý vì đất là của ông S1. Phần đất tranh chấp giữa ông S và ông H1 hiện vợ chồng anh chị đã xây nhà ở một phần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Hồng T5 trình bày:

Chị là dâu của ông Đường Ngọc S, vợ anh Đường Thanh T2. Phần đất tranh chấp giữa ông S, cha chồng chị và ông Đường Văn H1 do ông S quyết định, chị không có ý kiến gì, thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị T, chị Đường Thị Thanh L1, chị Đường Thị Thanh T3, anh Đường Thanh T2 và anh Đường Chế L trình bày:

Bà và các anh chị là vợ và các con của ông Đường Ngọc S. Ông S có khởi kiện yêu cầu ông Đường Văn H1 tháo dỡ ngôi nhà tạm và trả lại cho ông phần đất lấn chiếm diện tích khoảng 44,62m²; đất tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Phần đất tranh chấp cấp cho hộ ông S. Bà và các anh chị có chung hộ khẩu với ông S tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014. Nay ông S chết, bà và các anh chị thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông S.

Người làm chứng ông Đường Văn H2 (sinh năm 1950) và ông Đường Văn R thống nhất trình bày:

Các ông là anh em ruột với ông Đường Ngọc S1 và ông Đường Văn H1 (sinh năm 1958). Cha mẹ các ông là cụ Đường Văn S2 và Nguyễn Thị T7 chết do chiến tranh nên các anh em sống với bà nội là cụ Lê Thị B. Khi còn sống, bà nội có cho ông S phần đất khoảng 10.000m² để ông S canh tác nuôi các em do ông S là anh lớn trong gia đình. Sau này bà nội chết, ông S chia lại đất cho các em và mỗi anh em được chia khoảng 3.000m² đất. Riêng ông H1 đi bộ đội và có gia đình ở Sông Bé, khi xuất ngũ về thì ông H1 được ông S chia cho phần đất diện tích hơn 3.000m². Ông S cho ông H1 cất nhà tạm trên đất đang tranh chấp để ở và canh tác lúa trên phần đất ông S cho. Phần đất tranh chấp giữa ông S và ông H1 là của ông S, ngôi nhà ông H1 cất trên đất tranh chấp hiện nay không còn, đất bỏ trống, không có tài sản gì và ông H1 cũng đã có nhà ở khang trang, không còn ở trên ngôi nhà tạm nữa. Do bận việc nên các ông đề nghị xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người làm chứng ông Võ Trung T6 trình bày:

Giữa ông và ông Đường Ngọc S, ông Đường Văn H1 không có mâu thuẫn và cũng không có bà con thân thuộc gì. Vào năm 1991, ông H1 có cất ngôi nhà tạm để ở, phần đất gần cầu Bà T8, hiện phần đất này đang tranh chấp giữa hai bên. Ông H1 sau này vào trong phần đất ruộng mà trước đây ông S chia lại cho các em, trong đó ông H1 được chia khoảng 3.000m² cất nhà ở khang trang, hiện nay không còn ở trên phần đất tranh chấp nữa. Do bận việc nên ông xin vắng mặt.

Người làm chứng ông Huỳnh Văn L2 trình bày:

Giữa ông và ông Đường Ngọc S, ông Đường Văn H1 không có mâu thuẫn và cũng không có bà con thân thuộc gì. Năm 1990, ông làm Bí thư kiêm Trưởng ấp P, xã P, huyện C thì ông biết vào năm 1991, ông H1 có cất ngôi nhà tạm để ở trên phần đất tranh chấp giữa ông S và ông H1, nhà cất cặp mé sông gần cầu B, ông H1 sống cùng với vợ. Sau này, ông S chia đất cho các em, trong đó ông H1 được khoảng hơn 3.000m², hiện ông H1 không còn ở trên đất tranh chấp nữa mà đã cất nhà khang trang trong phần đất ruộng ông S1 đã chia cho ông H1. Do bận việc nên ông xin vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn ông Đường Ngọc S gồm bà Đoàn Thị T, chị Đường Thị Thanh T1, anh Đường Chế L, anh Đường Thanh P, chị Đường Thị Thanh L1, chị Đường Thị Hoàng O, anh Đường Thanh T2, chị Đường Thị Thanh T3, chị Đường Thị Thanh T4 và chị Đường Thị Phương D có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông H1 tháo dỡ ngôi nhà tạm trên phần đất tranh chấp vì hiện tại ngôi nhà đã không còn, các bên cũng không tranh chấp gì ngôi nhà đồng thời thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Đường Văn H1 trả lại phần đất lấn chiếm qua đo đạc thực tế có diện tích 39m², một phần thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m², đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn ông Đường Văn H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố là yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23707 ngày 07/02/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đường Ngọc S, phần đất thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m² và yêu cầu công nhận phần đất thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng của ông.

Bản án dân sự sơ thẩm số 470/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 34, Điều 147, Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 164, 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Đường Ngọc S.

Buộc ông Đường Văn H1 có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất đo đạc thực tế có diện tích 39m², thuộc một phần thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m², Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Đường Ngọc S theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BR808333, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH23707 ngày 07/02/2014, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Đường Ngọc S1 gồm: bà Đoàn Thị T, chị Đường Thị Thanh T1, anh Đường Chế L, anh Đường Thanh P, chị Đường Thị Thanh L1, chị Đường Thị Hoàng O, anh Đường Thanh T2, chị Đường Thị Thanh T3, chị Đường Thị Thanh T4 và chị Đường Thị Phương D cùng các thành viên trong hộ ông S.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Vị trí phần đất ông H1 trả lại có ký hiệu (2) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/05/2022 của Công ty TNHH T9. Có phiếu xác nhận kết quả đo đạc kèm theo.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T, chị Đường Thị Thanh T1, anh Đường Chế L, anh Đường Thanh P, chị Đường Thị Thanh L1, chị Đường Thị Hoàng O, anh Đường Thanh T2, chị Đường Thị

Thanh T3, chị Đường Thị Thanh T4 và chị Đường Thị Phương D yêu cầu ông H1 tháo dỡ ngôi nhà tạm trên phần đất tranh chấp.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đường Văn H1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23707 ngày 07/02/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đường Ngọc S, thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m² và yêu cầu công nhận phần đất thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng của ông H1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12/10/2023, bị đơn ông Đường Văn H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm và cần điều chỉnh phần quyết định của bản án sơ thẩm về “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đường Ngọc S” cho phù hợp.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Đường Văn H1 nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng quy định pháp luật nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ phát sinh tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn. Tranh chấp được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 và khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Thị Hồng T5 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần

thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Tòa án căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung xét kháng cáo:

[2.1] Tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m², loại đất ở nông thôn, địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23707 ngày 07/02/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đường Ngọc S (bút lục 01-02).

Nguyên đơn Đường N yêu cầu bị đơn Đường Văn H1 di dời căn nhà tạm trả diện tích đất có căn nhà tạm khoảng 44,62m² (đo đạc thực tế là 39m²) là một phần diện tích của thửa đất 04 (bút lục 16, 234, 235). Bị đơn Đường Văn H1 yêu cầu phản tố: yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23707 ngày 07/02/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đường Ngọc S (bút lục 127). Quá trình giải quyết sơ thẩm thì ông S chết ngày 02/5/2021, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là buộc ông H1 trả diện tích đất căn nhà tạm đo đạc thực tế là 39m².

[2.2] Nhận thấy, nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà nội của ông S và ông H1 là cụ Lê Thị B (chết năm 1981), khi còn sống cụ B đã giao cho ông S quản lý canh tác. Ông S là người đăng ký sổ mục kê ruộng đất năm 1984 số thửa 452, diện tích 105m² (bút lục 148); sổ mục kê đất năm 1997 số thửa 46, TBĐ số 02, diện tích 240m² (bút lục 233) và mục kê đất đai năm 2010 số thửa 04, diện tích 79,7m² (bút lục 142); được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số CH23707 ngày 07/02/2014 tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m², loại đất ở nông thôn (bút lục 170). Ông H1 cất căn nhà tạm ở trên thửa đất tranh chấp vào năm 1991, ông H1 trình bày phần đất này ông được cụ Lê Thị B cho vào năm 1973 (bút lục 124) nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh và không phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23707 ngày 07/02/2014 cho hộ ông Đường Ngọc S đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m², loại đất ở nông thôn (bút lục 101-115) thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định, từ khi ông S kê khai cấp giấy chứng nhận đến khi khởi kiện ông H1 thì không có ai khiếu nại về việc ông S được công nhận quyền sử dụng đất thửa số 04, đồng thời ông S là người kê khai sổ mục kê phần đất thửa số 04 qua các thời kỳ từ năm 1984 đến khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, như vậy phần đất thửa 04 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông S. Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/5/2022 của Công ty TNHH T9, ông S yêu cầu bị đơn H1 trả diện tích đất căn nhà tạm khoảng 44,62m² đo đạc thực tế là 39m² là một phần diện tích 79,7m² của thửa đất 04 nằm toàn bộ trong hành lang bảo vệ Sông Bé (bút lục 185) điều này phù hợp với nội dung văn bản số 3650/UBND-NC ngày 16/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (bút lục 171). Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H1 thừa nhận căn nhà tạm do ông xây dựng đã không còn, hiện tại ông H1 có nơi ở khác ổn định, từ đó cấp sơ thẩm buộc ông H1 giao trả phần diện tích đất

39m² là một phần thừa số 04 theo yêu cầu của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng cùng là thành viên hộ ông S là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Ông H1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới nên không làm thay đổi nội dung vụ án, từ đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị hết thời gian kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

[3] Vấn đề rút kinh nghiệm:

Cấp sơ thẩm có sai sót về tố tụng như sau:

[3.1] Trong vụ án này ông Đường Ngọc S là người khởi kiện, trong quá trình giải quyết sơ thẩm thì ông S chết (ngày 02/5/2021), nên bản án sơ thẩm quyết định “*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Đường Ngọc S*” và “*Đình chỉ một phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T, chị Đường Thị Thanh T1, anh Đường Chế L, anh Đường Thanh P, chị Đường Thị Thanh L1, chị Đường Thị Hoàng O, anh Đường Thanh T2, chị Đường Thị Thanh T3, chị Đường Thị Thanh T4 và chị Đường Thị Phương D yêu cầu ông H1 tháo dỡ ngôi nhà tạm trên phần đất tranh chấp*” là chưa chính xác, cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[3.2] Trong quá trình giải quyết sơ thẩm, bị đơn Đường Văn H1 yêu cầu phản tố: yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23707 ngày 07/02/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đường Ngọc S (bút lục 127); Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án cấp huyện và tiến hành xét xử xem xét trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận, đã tuyên án ở phần quyết định bản án “*Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đường Văn H1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23707 ngày 07/02/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đường Ngọc S...*” là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phần II Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, mặc dù có vi phạm về thẩm quyền như đã nêu trên nhưng về đường lối giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã dựa trên cơ sở quy định của pháp luật để giải quyết là có căn cứ, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên không cần thiết hủy án sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí: Ông H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 34, Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 170 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đường Văn H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 470/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đường N.

Buộc ông Đường Văn H1 có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng phần đất đo đạc thực tế có diện tích 39m², thuộc một phần thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m², do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ Đường Ngọc S theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BR808333, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH23707 ngày 07/02/2014, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đường Ngọc S gồm: bà Đoàn Thị T, chị Đường Thị Thanh T1, anh Đường Chế L, anh Đường Thanh P, chị Đường Thị Thanh L1, chị Đường Thị Hoàng O, anh Đường Thanh T2, chị Đường Thị Thanh T3, chị Đường Thị Thanh T4 và chị Đường Thị Phương D cùng các thành viên trong hộ ông S.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Vị trí phần đất ông H1 phải giao trả lại có ký hiệu (2) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/05/2022 của Công ty TNHH T9. Có phiếu xác nhận kết quả đo đạc kèm theo.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đường Ngọc S (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Đoàn Thị T, chị Đường Thị Thanh T1, anh Đường Chế L, anh Đường Thanh P, chị Đường Thị Thanh L1, chị Đường Thị Hoàng O, anh Đường Thanh T2, chị Đường Thị Thanh T3, chị Đường Thị Thanh T4 và chị Đường Thị Phương D) về yêu cầu ông H1 tháo dỡ ngôi nhà tạm trên phần đất tranh chấp.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đường Văn H1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23707 ngày 07/02/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đường Ngọc S, thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m² và yêu cầu công nhận phần đất thửa số 04, tờ bản đồ số 1, diện tích 79,7m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng của ông H1.

4. Về án phí: Ông Đường Văn H1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại ông H1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0026363 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Đường Ngọc S là bà Đoàn Thị T, chị Đường Thị Thanh T1, anh Đường Chế L, anh Đường Thanh P, chị Đường Thị Thanh L1, chị Đường Thị Hoàng O, anh Đường Thanh T2, chị Đường Thị Thanh T3, chị Đường Thị Thanh T4 và chị Đường Thị Phương D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004592 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt